TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG VĂN** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20 /2019/QĐST-HNGĐ	*Đ V, ngày 08 tháng 08 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị M, sinh năm 1984
Địa chỉ: Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H

Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83;84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Đào Thị M, sinh năm 1984
Địa chỉ: Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H

- Anh Dương Văn B, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị M và anh Dương Văn B.

- Về con chung:

+ Anh Dương Văn B chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục cháu Dương Diệu L, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2007 và cháu Dương Bách T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Chị Đào Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về Tài sản riêng: Của người nào vẫn thuộc quyền sở hữu của người đó;

- Về nợ chung: không có

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

+ Chị Đào Thị Mai tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo sự thỏa thuận của hai bên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 03085 ngày 02 tháng 07 năm 2019. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ trả lại cho chị M số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi ành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh H;
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- UBND thị trấn P;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trần Xuân Long